

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA TIÊM MỘT SỐ LOẠI KHÁNG SINH THƯỜNG SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU 2025

(Cập nhật đến ngày 17 tháng 11 năm 2025)

Người thực hiện: Ds. Huỳnh Thị Kiều Trang

Ds. Trần Ngọc Bảo Trân

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
1	Amoxicilin 1g + Acid clavulanic 200mg	Axuka; Bột pha tiêm	X	Hòa tan 1,2 g Axuka/ 20ml NCPT => DD sau hòa tan khoảng 20,9 ml để dùng 1 lần. [1],[3]	3-4 phút [1],[3]	Hòa tan 1,2 g Axuka/ 20ml NCPT. Thêm ngay lập tức dd đã hòa tan vào 100ml dịch truyền tương hợp. [3]	30-40 phút [1],[3].	NCPT, NaCl 0,9%, dd Ringer. [1],[3]	- Axuka là sản phẩm chỉ sử dụng một lần duy nhất, loại bỏ bất kỳ phần dung dịch sau khi pha nào chưa được sử dụng. - Chỉ sử dụng dung dịch trong suốt và không có các phần tử lạ. - Trong quá trình hòa tan, dd có thể tạm thời chuyển sang màu hồng. DD sau khi hòa tan thường không có màu hoặc có màu vàng. - DD sau khi pha phải được dùng ngay. [3]
2		Claminat 1,2g; Bột pha tiêm	X	Hòa tan 1,2g/ 20ml NCPT. Khi pha có thể thấy dd có màu hồng thoáng qua, sau đó chuyển sang vàng nhạt hoặc hơi có ánh trắng sữa. Có thể tiêm trực tiếp vào tĩnh mạch hoặc qua ống nhỏ giọt [1], [3].	3-4 phút [1],[3].	Hòa tan 1,2g/ 20ml NCPT hoặc NaCl 0,9%. Thêm ngay lập tức dd đã pha vào 100ml dịch truyền [3].	30-40 phút [1], [3].	NCPT, NaCl 0,9%, dd Ringer [1],[3].	- DD Claminat 1,2 g dùng tiêm TM có độ ổn định phụ thuộc nồng độ, do đó nên sử dụng ngay sau khi pha. Có thể sử dụng DD Claminat 1,2g dùng tiêm TM trong vòng 20 phút sau khi pha. - Không làm đông lạnh dd đã pha. - Có thể thêm dd đã pha vào túi dịch truyền trước khi làm lạnh, và bảo quản trong 8h ở nhiệt độ 5°C. Sau đó nên dùng dd ngay sau khi đạt nhiệt độ phòng. - Không pha thuốc chung với dd chứa glucose, Natri bicarbonat, dextran. - Không trộn thuốc trong cùng 1 bơm tiêm hoặc bình tiêm truyền với các

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
									thuốc khác, như corticoid hoặc aminoglycosid [3].
3		Midantin; Bột pha tiêm	X	Hòa tan 1,2g/20ml NCPT hoặc NaCl 0,9%. Khi pha có thể thấy dd có màu hồng thoáng qua, sau đó chuyển sang vàng nhạt hoặc hơi có ánh trắng sữa [2]	3 phút [2]	Hòa tan 1,2g/50ml NCPT hoặc NaCl 0,9%	30 phút [2]	NCPT; NaCl 0,9% [2]	- Không pha thuốc chung với dd chứa glucose, Natri bicarbonat, dextran. - Không nên trộn thuốc trong cùng bơm tiêm hoặc bình tiêm truyền với 1 thuốc khác, nhất là corticoid hoặc aminoglycosid. - Độ bền của dung dịch chế phẩm phụ thuộc theo nồng độ. Vì vậy sau khi pha phải dùng ngay, thuốc chỉ được dùng trong khoảng thời gian tối đa từ sau khi pha tới khi tiêm xong theo đúng như sau: + Tiêm TM: 15 phút. + Truyền TM: 60 phút [2].
4	Ampicilin 1g + Sulbactam 0,5 g	Ama – Power; Bột pha tiêm	Hòa tan 1,5g/ 3,2 ml NCPT hoặc lidocaine HCl 0.5% [1], [2], [3].	Hòa tan 1,5g/ 3,2ml NCPT [2], [3].	Tiêm chậm nhất có thể để ngăn ngừa các tác dụng bất lợi (ít nhất 10-15 phút) [1], [2].	Hòa tan 1.5g/3.2 ml NCPT. Pha loãng: trong 50-100ml dung môi tương hợp [1], [2].	15 – 30 phút [1], [3].	NaCl 0.9% Ringer lactat, dextrose 5% [1], [3].	- DD để tiêm bắp nên được sử dụng trong vòng 1h sau khi pha; dd tiêm TM nên được sử dụng trong vòng 8h sau pha, pha loãng ngay sau khi hòa tan [2]. - Để đảm bảo thuốc tan hoàn toàn, nên để yên cho bột của dung dịch mất hẳn và kiểm tra bằng mắt [3] Chú ý: không được trộn chung trong cùng một bơm tiêm hoặc vật chứa với chế phẩm máu, aminoglycosid và protein [3].
5		Bipisyn; Bột pha tiêm							
6	Cefamandol 1g	Cefamandol 1g; Bột pha tiêm	Hòa tan 1g/3ml NCPT hoặc NaCl 0,9%. Lắc kỹ để hòa tan [3].	Hòa tan 1g/10ml NCPT hoặc Dextrose 5% hoặc NaCl 0,9% [3].	3 – 5 phút [1], [3].	Hòa tan mỗi 1g/10ml NCPT. Dd tạo thành được pha loãng với dung môi tương hợp [3].	Truyền TM liên tục hoặc ngắt quãng [1], [3].	NaCl 0,9%; Dextrose 5%; Dextrose 10% [3].	Ở nồng độ 2mg hay 20mg/ml, cefamadol ổn định về mặt vật lý trong 24 giờ ở nhiệt độ phòng hoặc 96 giờ ở 5°C trong dd vô khuẩn để tiêm [1], [2], [3].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
7	Cefotiam 2g	Fotimyd 2000; Bột pha tiêm	Hoà tan 1g-2g/3-6ml dd Lidocain 0,5% [3].	Hoà tan 1g-2g/10ml NCPT, NaCl 0,9% hoặc Dextrose 5% [3].		Hoà tan với dung môi tương hợp [3].	30 – 120 phút [3].	NaCl 0,9%, Glucose 5% [3].	- Chỉ tiêm bắp khi không tiêm được tĩnh mạch [3]. - Thuốc pha xong nên sử dụng ngay, nếu chưa dung không được để quá 4 giờ ở dưới 25°C hoặc quá 24 giờ ở 2 – 8°C và bảo quản trong điều kiện vô trùng [3].
8	Ceftriaxone 1000	Ceftrione 1g; Bột pha tiêm	Hoà tan 1g/3,6ml dung môi → DD có nồng độ 250 mg/ml. <i>Hoặc:</i> Hoà tan 1g/2,1ml → DD có nồng độ 350 mg/ml. <i>* Dung môi :</i> <i>nước vô khuẩn để tiêm, NaCl 0,9%, dextrose 5%, dd lidocain 1% không có adrenalin</i> [1],[3].	Hoà tan 1g/ 9.6ml NCPT [1], [3].	2-4 phút [1], [3].	Hoà tan: 1g/ 9.6ml NCPT Pha loãng: 50-100ml dung môi tương hợp [1], [3].	Ít nhất 30 phút [1], [3].	NaCl 0,9%, Glucose 5% hoặc 10% [1], [3].	- Liều tiêm TM >1g chỉ nên tiêm TTM. Khi tiêm bắp liều >1g phải tiêm ở nhiều vị trí. [1], [2], [3] - Không được hòa tan Ceftriaxon với dd chứa calci (<i>Ringer lactat, dd Hartmann</i>). Không truyền liên tục đồng thời với dd chứa calci ngay cả khi dùng dây truyền riêng ở khác vị trí ở mọi lứa tuổi [3]. - DD thuốc sau khi pha nên sử dụng ngay. Nếu chưa dùng ngay: dd TB không được để quá 8 giờ ở 5°C ± 3°C hoặc không quá 2 giờ ở băng hoặc dưới 25°C; dd để tiêm TTM không được để quá 8 giờ ở 5°C ± 3°C (<i>bảo quản trong điều kiện vô trùng</i>) [3].
9	Cefoperazon 1g + Sulbactam 1g	Bacsulfo 1g/1g; Bột pha tiêm	X	Hoà tan Bacsulfo 1g/1g trong 6,7ml dung môi thích hợp, lắc mạnh đến khi tan hoàn toàn [3].	Tối thiểu 3 phút [3].	Hoà tan Bacsulfo 1g/1g trong 6,7ml dung môi thích hợp, lắc mạnh đến khi tan hoàn toàn. Pha loãng tiếp trong 20ml với	Truyền chậm 15-60 phút [3].	NCPT, NaCl 0,9%, Dextrose 5% [3].	- Dd sau khi pha phải dùng ngay để ngăn ngừa nguy cơ nhiễm khuẩn. - Độ ổn định của dd là 4 giờ ở nhiệt độ phòng (25°C). - Dd thuốc sau khi pha từ không màu đến vàng, không được có tiểu phân nhìn thấy bằng mắt thường, không bị kết tủa.

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
						cùng dung môi [3].			- Thuốc chỉ dùng 1 lần. Dd còn thừa phải được loại bỏ [3].
10		Basultam; Bột pha tiêm	Lựa chọn 1 trong 2 cách pha sau: + 2g/ 4,7ml NCPT, lắc đều. Pha loãng tiếp với 2ml dd Lidocain 2% => DD có nồng độ Cefoperazon 125mg và Sulbactam 125mg/ml trong dd Lidocain HCl nồng độ khoảng 0,5%. + 2g/ 1,7ml NCPT, lắc đều. Pha loãng tiếp với 1ml dd Lidocain 2% => DD có nồng độ Cefoperazon 250mg và Sulbactam 250mg/ml trong dd Lidocain HCl nồng độ	Hòa tan 2g/ lượng dung môi thích hợp. Sau đó, pha loãng thành 20ml (với cùng dung môi) [3].	Ít nhất 3 phút [3].	Truyền TM ngắt quãng: 2g/ lượng dung môi thích hợp. Sau đó, pha loãng thành 20ml với cùng dung môi. <i>*Lactated Ringer (LR) là dd thích hợp cho truyền TM nhưng không dùng để pha thuốc lúc đầu.</i> Truyền TM liên tục: 2g/ 6,7ml dung môi => dd có nồng độ 125mg cefoperazon và 125 mg sulbactam mỗi ml. <i>*Nếu dùng dd Lactated Ringer để truyền TM :</i> 2g/6,7ml NCPT, lắc đều. Pha loãng 2ml dd vừa pha / 50ml LR hay 4ml dd vừa pha / 100ml LR => dd có nồng độ sulbactam 5mg/ml [3].	Truyền TM ngắt quãng trong 15-60 phút , truyền TM liên tục [3].	Dextrose 5%, NaCl 0,9%, NCPT [3].	- Quá trình pha thuốc cũng như quá trình sử dụng thuốc sau khi pha nên được thực hiện trong điều kiện vô khuẩn. Dung dịch sau khi pha phải trong suốt, không màu và không có cặn nhìn thấy được [3]. - Dung dịch sau khi pha loãng nên được sử dụng 1 lần duy nhất, dung dịch còn lại sau khi dùng phải bỏ đi [3].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
			khoảng 0,5%. <i>Lidocain HCl</i> 2% là dd thích hợp để tiêm bắp nhưng không dùng để pha thuốc lúc đầu: lần đầu dùng NCPT, sau đó pha loãng với <i>Lidocain HCl</i> 2%. [3]						
11	Ceftizoxim 2g	Ceftibiotic 2000; Bột pha tiêm	Tiêm bắp sâu: khi dùng liều lớn hơn 2g, lượng thuốc nên được chia nhỏ ra và tiêm vào các vùng cơ khác nhau. Hòa tan 1g-2g/3-6ml NCPT, lắc đều => dd có nồng độ khoảng 270mg/ml [3].	Hòa tan 1g-2g/ 10-20ml NCPT, lắc đều => dd có nồng độ khoảng 95mg/ml [3].	3-5 phút , tiêm trực tiếp hoặc thông qua các ống truyền dịch [3].	Hòa tan với 50 - 100ml dung môi trong hộp hoặc dung dịch truyền tĩnh mạch khác [3].		NaCl 0,9%; Dextrose 5% [3].	- Độ ổn định của dd đã pha trong nước cất trong 24h ở điều kiện 25°C ± 3°C; nếu lưu lại tại điều kiện nhiệt độ 2-8°C thì dd ổn định trong 96h [3]. - Độ ổn định của dd tiêm truyền trong 24h ở điều kiện 2 – 8°C và 8 giờ ở điều kiện nhiệt độ 25°C ± 3°C [3].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
12	Ertapenem 1g	Ertapenem VCP; Bột pha tiêm.	Hòa tan 1g/3.2ml dd pha tiêm lidocain HCl 1% (không chứa epinephrin). Lắc kỹ để thuốc tan hoàn toàn → tiêm bắp sâu vào các vùng cơ lớn (cơ mông hoặc phần bên đùi) [1], [3].	X	X	Hòa tan 1g/10ml NCPT hoặc dung dịch NaCl 0.9 pha tiêm, lắc kỹ. Pha loãng với 50ml dung dịch NaCl 0.9 pha tiêm [1], [3].	30 phút [1], [3].	NCPT, NaCl 0.9% [3].	- DD tiêm bắp ổn định trong vòng 1 giờ sau khi pha [1], [3]. - DD truyền TM cần được tiến hành truyền trong vòng 6 giờ sau khi pha [1], [3]. - Các dd sau khi pha loãng nên được sử dụng ngay. DD thuốc sau khi hoàn nguyên có thể bảo quản trong 6 giờ ở nhiệt độ phòng (25°C) và 24 giờ ở 2-8 °C trong tủ lạnh. DD nên sử dụng trong vòng 4 giờ sau khi lấy ra khỏi tủ lạnh. Không để đông dung dịch sau pha [1], [3]. - Không trộn hoặc truyền chung Ertapenem với thuốc khác. Không sử dụng dịch truyền pha loãng có chứa Dextrose [3].
13	Amikacin 500mg/2ml	Vinphacine; Dung dịch tiêm	Dùng trực tiếp. [1], [2]	Dùng trực tiếp [2].	2-3 phút [2].	Pha loãng dd chứa 500mg/100-200ml dung môi tương hợp [1], [2],[3].	30-60 phút [1], [2], [3].	NaCl 0.9%, Dextrose 5% [1], [3].	- Không được trộn lẫn amikacin với các thuốc khác, đặc biệt là với kháng sinh nhóm beta-lactam [1]. - Bảo quản được ở 2-8°C không quá 12 giờ [3].
14	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin 200mg/100m; Dung dịch tiêm truyền	X	X	X	Có thể truyền trực tiếp hoặc đồng thời với các dd truyền tương thích khác [3].	30 phút (Liều 200mg) [3].	Nước muối sinh lý, dung dịch Ringer, Ringer lactate, glucose 5% 10%, fructose 10% [3].	Kiểm tra cảm quan trước khi sử dụng. Không được sử dụng nếu có vẩn đục [3].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
15	Levofloxacin 750mg/150ml	Levogolds; Dung dịch truyền tĩnh mạch	X	X	X	DD có chứa levofloxacin với nồng độ 5mg/ml trong glucose 5%, có thể dùng ngay không cần pha loãng [3].	Ít nhất là 90 phút cho liều 750mg [2], [3].	NaCl 0,9%; dextrose 5%,...[3].	- Không dùng để tiêm bắp, tiêm vào ống sống, tiêm phúc mạc hoặc tiêm dưới da [1], [3]. - Truyền TM nhanh sẽ dẫn đến nguy cơ hạ huyết áp [1], [3]. - Không trộn chung dd truyền TM Levofloxacin với heparin hoặc các dd kiềm [3].
16	Moxifloxacin 400mg/250ml	Biviflox; Dung dịch truyền tĩnh mạch	X	X	X	Không cần pha loãng [2]	Trên 60 phút [1], [2], [3].	Glucose 5% [2]	Không nên tiêm bắp, tiêm trong phúc mạc hoặc tiêm dưới da [1].
17	Doripenem 500 mg	Midatiam 0,5g; Bột pha tiêm	X	X	X	Hòa tan 500mg/10ml NCPT hoặc NaCl 0,9%, lắc kỹ để thu được hỗn dịch có nồng độ doripenem 50mg/ml. Rút hỗn dịch trên chuyển vào 100ml dung môi tương hợp, lắc kỹ đến khi bột thuốc tan hoàn toàn, dung dịch thu được chứa 500mg doripenem (4,5mg/ml) [1], [2].	Khoảng 1 giờ [1],[2]	NaCl 0,9%; Dextrose 5% [1], [2].	- Hỗn dịch này có thể ổn định trong khoảng 1 giờ mà không cần để đông lạnh. Không được tiêm tĩnh mạch trực tiếp mà cần pha loãng trước khi truyền. - Dung dịch tiêm truyền chứa 4.5mg/ml doripenem trong NaCl 0,9% ổn định trong 8 giờ ở nhiệt độ phòng hoặc 24 giờ ở 2-8 độ C. - Dung dịch sau pha loãng phải trong suốt, không có màu hoặc có màu vàng nhạt [1], [2].

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
18	Vancomycin 1g	Valbivi 1.0g; Bột pha tiêm	X	X	X	Hòa tan 1g/20ml nước vô khuẩn . Pha loãng DD trên trong 200ml dung môi tương hợp [3].	Ít nhất trong 60 phút [3].	Glucose 5%, NaCl 0.9% [1], [3].	- DD sau khi hoàn nguyên với NCPT có thể được giữ ổn định trong 14 ngày ở nhiệt độ phòng hoặc trong tủ lạnh. DD vancomycin sau khi pha loãng với DD glucose 5% hoặc natri clorid 0,9%, có thể bền vững 14 ngày nếu để ở 2 - 8°C tủ lạnh hoặc 7 ngày nếu để ở nhiệt độ phòng [1]. - Tránh tiêm TM nhanh và trong khi truyền phải theo dõi chặt chẽ để phát hiện hạ huyết áp nếu xảy ra [3].
19	Levofloxacin 750mg/150ml	Levogolds; Dung dịch truyền tĩnh mạch	X	X	X	DD có chứa levofloxacin với nồng độ 5mg/ml trong glucose 5%, có thể dùng ngay không cần pha loãng [3].	Ít nhất là 90 phút cho liều 750mg [2], [3].	NaCl 0,9%; dextrose 5%,...[3].	- Không dùng để tiêm bắp, tiêm vào ống sống, tiêm phúc mạc hoặc tiêm dưới da [1], [3]. - Truyền TM nhanh sẽ dẫn đến nguy cơ hạ huyết áp [1], [3]. - Không trộn chung dd truyền TM Levofloxacin với heparin hoặc các dd kiềm [3].
20	Moxifloxacin 400mg/250ml	Biviflox; Dung dịch truyền tĩnh mạch	X	X	X	Không cần pha loãng [2]	Trên 60 phút [1], [2], [3].	Glucose 5% [2]	Không nên tiêm bắp, tiêm trong phúc mạc hoặc tiêm dưới da [1].
21	Linezolid* 600/300ml	Inlezone; Dung dịch tiêm truyền	X	X	X	Dùng tiêm truyền TM. [3]		.	
22	Meropenem 1g	Merovia; Bột pha tiêm	X	Hòa tan 250mg/5ml với NCPT cho dung dịch có nồng độ khoảng 50mg/ml [2].	5 phút [2]	Pha với dung môi tương thích 50 – 200ml [2].	15 – 30 phút [2]	NaCl 0,9%; Glucose 5% hoặc 10%; Glucose 5% với NaCl 0,9%; Manitol 2,5% hoặc 10% [2].	- Dung dịch sau pha trong suốt, không màu hoặc có màu vàng nhạt, - Nên sử dụng thuốc sau khi pha thành dung dịch. Lắc kỹ dung dịch thuốc đã pha trước khi sử dụng. Tất cả các lọ thuốc chỉ sử dụng 1 lần. - Dung dịch thuốc sau pha theo hướng dẫn duy trì hoạt tính ở nhiệt độ phòng ≤ 25 độ C hoặc khi bảo quản lạnh 4 độ C như bảng sau [2]:

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý																										
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi																											
		Mizapenme: Bột pha tiêm							<table><tr><th rowspan="2">Chất pha loãng</th><th colspan="2">Thời gian (giờ) ổn định ở</th></tr><tr><th>15–25°C</th><th>4°C</th></tr><tr><td>Nước cất pha tiêm</td><td>8</td><td>48</td></tr><tr><td colspan="3">Dung dịch thuốc truyền tĩnh mạch sau khi pha với:</td></tr><tr><td>NaCl 0,9%</td><td>8</td><td>48</td></tr><tr><td>Glucose 5%</td><td>3</td><td>14</td></tr><tr><td>Glucose 10%</td><td>2</td><td>8</td></tr><tr><td>Glucose 5% và NaCl 10%</td><td>3</td><td>14</td></tr><tr><td>Manitol 2,5% hoặc 10%</td><td>3</td><td>14</td></tr></table>	Chất pha loãng	Thời gian (giờ) ổn định ở		15–25°C	4°C	Nước cất pha tiêm	8	48	Dung dịch thuốc truyền tĩnh mạch sau khi pha với:			NaCl 0,9%	8	48	Glucose 5%	3	14	Glucose 10%	2	8	Glucose 5% và NaCl 10%	3	14	Manitol 2,5% hoặc 10%	3	14
Chất pha loãng	Thời gian (giờ) ổn định ở																																		
	15–25°C	4°C																																	
Nước cất pha tiêm	8	48																																	
Dung dịch thuốc truyền tĩnh mạch sau khi pha với:																																			
NaCl 0,9%	8	48																																	
Glucose 5%	3	14																																	
Glucose 10%	2	8																																	
Glucose 5% và NaCl 10%	3	14																																	
Manitol 2,5% hoặc 10%	3	14																																	
23	Colistin*	Colisodi 1.0 MIU; thuốc tiêm đông khô	X	Hòa tan /10ml NCPT. Lắc nhẹ để tránh tạo bọt [3].	Ít nhất 5 phút [2], [3]	Hòa tan /10ml NCPT. Lắc nhẹ để tránh tạo bọt. Pha loãng tiếp với 50ml dung dịch NaCl 0,9% [3].	30-60 phút [3].	NaCl 0,9%, dextrose 5%, ringer lactat. [1]	- DD tiêm tạo thành với nước cất có thể bảo quản ở 2–8°C trong vòng 7 ngày [1]. - DD tiêm tạo thành với các dd tương hợp khác nên được dùng ngay hoặc bảo quản trong 24 giờ sau khi pha [1]. - Dung dịch tiêm truyền TM nên được dùng ngay lập tức. DD chỉ dùng một lần duy nhất và nên loại bỏ bất kỳ dung dịch dư thừa nào [3].																										
24		Bidicolis 2 MIU; thuốc tiêm đông khô																																	
25		Colisodi 3.0 MIU; thuốc tiêm đông khô																																	
26	Metronidazol 500mg/100ml	Moretel; Dung dịch tiêm truyền	X	X	X	Dùng tiêm truyền TM. [3]	5ml/phút [1], [3].	NaCl 0,9%; Glucose 5%; NaCl- Glucose [2]	- Trước khi sử dụng, quan sát bằng mắt thường xem sản phẩm có bị vẩn đục hoặc chuyển màu vàng không. Chỉ sử dụng một lần. Dung dịch còn lại không sử dụng hết phải loại bỏ [3]. - Không bảo quản lạnh để tránh kết tinh, dùng ngay sau khi mở, nếu không dùng hết phải bỏ đi [2].																										

TT	Hoạt chất, hàm lượng	Biệt dược	Tiêm bắp	Tiêm TM		Truyền TM			Chú ý
				Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ	Dung môi	
27	Tinidazol 500mg/100ml	Tinidazol Kabi; Dung dịch tiêm truyền	X	X	X	Dùng tiêm truyền TM. [3]			- Thuốc chứa 5g glucose trên liều 100ml, cần tính toán cẩn thận khi sử dụng cho bệnh nhân đái tháo đường [3]. - Thuốc chứa 39mg natri trong chai 100ml. Khối lượng này tương đương với 2% lượng natri ăn vào hằng ngày lớn nhất được khuyến cáo cho một người lớn (2g theo WHO) [3].
28	Tigecyclin* 50mg	Tigemy 50; Thuốc tiêm đông khô	X	X	X	Hòa tan 50mg/5,3ml với dung môi tương hợp để đạt được dung dịch tigecycline nồng độ 10mg/ml. Xoay nhẹ lọ cho đến khi thuốc tan hoàn toàn. Sau đó, rút ngay 5ml dung dịch vừa pha thêm vào túi/chai dịch truyền 100ml để truyền [1], [2].	30 – 60 phút [1], [2]	NaCl 0,9%; Glucose 5%; Lactate Ringer [1], [2]	- Dung dịch sau hoàn nguyên phải có màu từ cam đến đỏ cam, nếu không dung dịch nên được loại bỏ. Các chế phẩm thuốc tiêm nên được kiểm tra bằng mắt thường sự có mặt của các tiểu phân lạ và sự đổi màu (như sang màu xanh lá cây hoặc màu đen) trước khi dùng. - Dung dịch thuốc sau khi pha loãng phải sử dụng ngay. Chỉ sử dụng 1 lần, phần còn thừa nên được loại bỏ [2].
29	Teicoplanin* 400mg	Fyranco; Thuốc tiêm đông khô	Hòa tan 400mg/3,14 ml NCPT, lần nhẹ lọ để tan hoàn toàn tránh tạo bọt [1].	Hòa tan 400mg/3,14ml NCPT, lần nhẹ lọ để tan hoàn toàn tránh tạo bọt [1].	Tiêm TM nhanh (bolus) 3-5 phút [2]	Pha loãng dung dịch đã pha trong 20-50ml dung môi tương hợp [2].	30 phút [1], [2]	NaCl 0,9%; Ringer lactat; Dextrose 5% [1], [2]	- Nếu dung dịch có bọt để yên 15 phút cho tan bọt. - Dung dịch trong suốt mới được sử dụng, màu dung dịch có thể từ vàng nhạt đến vàng đậm. - Dung dịch sau pha phải được sử dụng ngay. - Có thể bảo quản trong 24h ở 4 độ C [2].
30	Netilmicin sulfat 150mg	Keyuni 150; Dung dịch tiêm truyền	X	X	X	Dùng tiêm truyền TM [2].	30 phút – 2giờ [2].		Không chỉ định tiêm dưới da vì có nguy cơ hoại tử da. Thời gian điều trị thường không quá 5 ngày

Tài liệu tham khảo

- [1] Dược thư Quốc gia Việt Nam (2022).
- [2] Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.
- [3] AHFS (2011).
- [4] Martindale The Complete Drug Reference 38th (2014).
- [5] Renal Pharmacotherapy (2013).
- [6] Renal Drug Handbook (2019).

TM. HĐT & ĐT

CHỦ TỊCH



Dặng Thùy Trang

TRƯỞNG KHOA DƯỢC

MS
ĐS. CKII. Võ Minh Trường

BP. DLS & TTT

Trần Ngọc Bảo Trân
ĐS. TRẦN NGỌC BẢO TRÂN